

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HS-ST  
Ngày 17-11-2023.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Trần Mến**.

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

2. Ông Đinh Văn Hoát.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Duy Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S - tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường Nhà văn hóa **xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi** xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HS ngày 03/11/2023, đối với các bị cáo:

1. **Đinh Văn R** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 4 năm 1998 tại **huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Nơi cư trú: **Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông **Đinh Văn T** (Chết) và bà **Đinh Thị T1**, sinh năm 1961. Vợ **Đinh Thị T2**, sinh năm 1999. Có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 20/10/2023 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Bùi Thị Thuyết A** - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q**. Có mặt.

2. **Nguyễn Tấn D** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 12 tháng 6 năm 1989 tại **huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Nơi cư trú: **Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông **Nguyễn Văn H** (Chết) và bà **Lê Thị C**, sinh năm 1966. Vợ: **Nguyễn Thị Phương T3** (đã ly hôn năm 2014). Có 01 con: **Nguyễn Thị Kiều T4**, sinh năm 2015. Tiền sự: Không; Tiền án: có 01 tiền án; ngày 23/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà tuyên phạt số tiền 40.000.000 đồng về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (tại Bản án số 07/2015/HSST); đến ngày

24/8/2015, bị cáo đã thi hành được số tiền 20.000.000đồng và 200.000 đồng án phí HSST; còn số tiền 20.000.000 đồng bị cáo chưa thi hành xong. Ngày 20/10/2023 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Phạm Thị Hà C1** - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q.**

3. **Phạm Văn T5** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 10 năm 1986 tại **huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**. Nơi cư trú: **Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông **Phạm Văn L** (Chết) và bà **Phạm Thị L1**, sinh năm 1964. Vợ: **Đinh Thị C2**, sinh năm 1994. Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án/tiền sự: Không. Ngày 20/10/2023 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Bùi Phú V** - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q.**

4. **Đinh Văn Đ** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 7 năm 1985 tại **huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Nơi cư trú: **Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông **Đinh Văn M** (Chết) và bà **Đinh Thị P**, sinh năm 1954. Vợ: **Đinh Thị M1**, sinh năm 1988. Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án/tiền sự: Không. Ngày 20/10/2023 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Bùi Phú V** - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q**

5. **Đinh Văn H1** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 19 tháng 9 năm 1985 tại **huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Nơi cư trú: **Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông **Đinh T6**, sinh năm: 1953 và bà **Đinh Thị V1**, sinh năm 1958. Vợ **Đinh Thị P1**, sinh năm 1999. Có 01 con: **Đinh Thị Thúy D1** - Sinh năm 2018. Tiền án/tiền sự: Không. Ngày 20/10/2023 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Bùi Phú V** - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q**

6. **Đinh Văn T7** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 05 tháng 6 năm 1996 tại **huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Nơi cư trú: **Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông **Đinh Văn M2**, sinh năm 1967 và bà **Đinh Thị K**, sinh năm 1967. Vợ **Đinh Thị N**, sinh năm 2000. Có 02 con (con chung với **Đinh Thị B**, là vợ trước và đã ly hôn), lớn sinh năm 2015 và nhỏ sinh năm 2018. Tiền án/tiền sự: Không. Ngày 20/10/2023 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Bùi Thị Thuyết A** - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q**

7. **Đình Văn T8** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994 tại **huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Nơi cư trú: **Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ca Dong; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông **Đình Văn X** (Chết) và bà **Đình Thị C3**, sinh năm 1964. Vợ: **Đình Thị S**, sinh năm 1997 (đã ly hôn năm 2017). Có 01 con: **Đình Văn X1**, sinh năm 2016. Tiền án/tiền sự: Không. Ngày 20/10/2023 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Bùi Thị Thuyết A** - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q**.

*Nguyên đơn dân sự:* **Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q**.

Địa chỉ: **Hẻm A N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Kim N1** - Chức vụ: Giám đốc **Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Thanh T9** - Trám trưởng Trám quản lý bảo vệ rừng **huyện S** ( theo giấy ủy quyền số: 07/GUQ-BQLR ngày 15/11/2022 của **Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q**.)

Địa chỉ công tác: Trám quản lý bảo vệ rừng **huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lý Công T10**, sinh năm: 1985.

Trú tại: **Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Ông **Phạm Kim**, sinh năm: 1975.

Trú tại: **Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Ông **Đình Văn K1**, sinh năm: 1992.

Trú tại: **Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt.

4. Ông **Đình Văn M3**, sinh năm: 1986. Có mặt.

5. Ông **Đình Văn P2**, sinh năm: 1981. Có mặt.

6. Ông **Đình Văn B1**, sinh năm: 1982. Vắng mặt.

7. Ông **Đình Văn K2**, sinh năm: 1978. Vắng mặt.

8. Ông **Đình Văn T11**, sinh năm: 1977. Có mặt.

Đều trú tại: **Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**.

9. Bà **Đình Thị B2**, sinh năm: 1993. Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người phiên dịch: Ông Đinh Văn B3 - Công chức Tư pháp xã S. Có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Rừng phòng hộ đầu nguồn tự nhiên tại lô 6, lô A (chia lô 10 thành hai lô, gồm: lô 10 với diện tích rừng 20,9ha và lô 10a với diện tích 6,48ha; lô 6 có diện tích 20,61ha) khoảnh 2, tiểu khu B thuộc thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi được quy hoạch theo Quyết định số 29/QĐ-UBND, ngày 09/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q với diện tích 47,99 ha do Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q làm chủ rừng và Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện S là cơ quan quản lý, bảo vệ theo Quyết định số 83/QĐ-UBND, ngày 13/01/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giao rừng cho Ban Q; đồng thời Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q cùng ký kết hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với hộ gia đình bà Đinh Thị B2 tại lô F, lô 10a khoảnh 2, tiểu khu B và hộ ông Đinh Văn V2 tại lô 10 khoảnh 2, tiểu khu B; Trạm Quản lý bảo vệ rừng huyện S phân công ông Đinh Văn M3, Đinh Văn K1, Lý Công T10 là cán bộ Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện S phụ trách theo dõi, quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã S, trong đó ông Lý Công T10 là người chịu trách nhiệm chung. Ông Phạm Kim I Kiểm lâm viên trung cấp phụ trách địa bàn xã S năm 2021 để thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm địa bàn theo Quyết định số 08/QĐ-HKL, ngày 28/12/2018 của Hạt Trưởng Hạt kiểm lâm huyện S về việc ban hành Quy chế làm việc năm 2019.

Vào khoảng tháng 8/2021, Đinh Văn R đi soi ếch vào ban đêm tại khu vực suối N thuộc thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, R phát hiện một cây gỗ Phay (có tên khoa học là *Duabanga Sonneratioides* H2). Khoảng nửa tháng sau, trong lúc ngồi chơi với Nguyễn Tấn D và Đinh Văn T7, R kể lại việc phát hiện cây gỗ P3 tại suối N, rồi rủ D và T7 cùng nhau đi khai thác trái phép cây gỗ Phay để đưa về chia nhau sử dụng trong gia đình thì D và T7 đồng ý. Ngày hôm sau, R, D và T7 cùng nhau đi lên rừng phòng hộ để xem cây gỗ Phay do R phát hiện nhưng đi nửa đường thì về.

Khoảng một thời gian sau, R, D, T7 cùng với Phạm Văn T5, Đinh Văn H1, Đinh Văn Đ ngồi nhậu tại nhà của Phạm Văn T5; R, D tiếp tục rủ thêm Đ, H1 và T5 cùng nhau đi khai thác cây gỗ Phay do R phát hiện thì tất cả đồng ý. Sau khi đã thống nhất, R, T5, H1, Đ, D, T7 góp mỗi người 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), tổng cộng là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) đưa cho D giữ để mua xăng và nhớt phục vụ cho việc khai thác cây gỗ Phay. Sau đó, R, D, T5 cùng nhau đi mua 30 lít xăng, 10 lít nhớt xả tại cây xăng S1 và mang về cất trong nhà.

Đến sáng ngày 22/9/2021, R, T5, Đ, D cùng đi đến khu vực rừng phòng hộ có cây gỗ Phay để khai thác; còn H1 có việc gia đình và T7 lúc này đang đi làm tại xã S, huyện S nên hẹn ngày hôm sau sẽ tham gia khai thác; đồng thời T7 có nói rủ thêm Đinh Văn T8 cùng tham gia khai thác thì cả nhóm đồng ý cho tham gia. Khi đi khai thác trái phép cây gỗ Phay, R mang theo một máy cưa xăng cầm tay (có cả lăm cưa), Đ mang theo một máy cưa xăng cầm tay (có cả lăm cưa), D mang theo một lăm cưa và cùng xăng, nhớt đã chuẩn bị trước. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, các bị cáo đi đến vị trí có cây gỗ Phay, D và T5 sử dụng máy cưa xăng cầm tay thay phiên nhau cưa hạ cây gỗ P3, còn R, Đ đi chặt gỗ nhỏ để làm lán trại và làm cây chống cố định để đứng cưa hạ cây gỗ P3 ngã theo hướng đã chọn. Các bị cáo cưa cây gỗ P3 liên tục đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì cưa ngã được cây gỗ, nhưng do máy cưa của Đ bị hư nên các bị cáo không cưa nữa mà mang máy cưa, lăm cưa, xăng, nhớt vào trong tại lán trại cất, ăn cơm xong rồi đi về nhà; lúc này T7, T8 cũng từ xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đi về thôn M, xã S, huyện S.

Sáng ngày 23/9/2021, R, T5, H1, Đ, D, T7 và T8 tiếp tục cùng đi đến vị trí cây gỗ P3 đã cưa ngã trước đó để tiếp tục khai thác; T7 cũng mang theo máy cưa xăng cầm tay (có cả lăm cưa). Khi đến nơi, R, T5, H1, Đ, D, T7 và T8 thay phiên nhau cưa xẻ cây gỗ, nấu cơm, phát dọn đường để vận chuyển gỗ và ở lại trong rừng, đến ngày 27/9/2021, các bị cáo cưa xẻ cây gỗ Phay thành 13 (Mười ba) tấm gỗ xẻ có kích thước, gồm: 04 (bốn) tấm có kích thước (3,1x0,9x0,2)m; 03 (ba) tấm có kích thước (2,5x0,6x0,13)m; 06 (sáu) tấm có kích thước (2,5x0,4x0,13)m.

Trong quá trình Ranh, Đ, T8 phát dọn đường để vận chuyển gỗ thì phát hiện thêm một cây gỗ Phay gần khu vực suối N tại lô F, khoảnh 2 tiểu khu B của Rừng phòng hộ đầu nguồn là rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo, nên nói D, T5, T7, H1 biết và thống nhất tiếp tục khai thác cây gỗ Phay này. Sau khi cưa xẻ cây gỗ thứ nhất gần xong, R, Đ lấy một máy cưa của T7 đi đến cưa hạ cây gỗ Phay thứ hai, rồi thay phiên nhau cưa xẻ thành 09 (chín) tấm gỗ xẻ có kích thước dài 2,5m, rộng từ 40cm đến 50cm và dày 13cm trong thời gian 03 (ba) ngày thì xong. Sau đó, cùng nhau vận chuyển 13 (mười ba) tấm gỗ xẻ đã khai thác của cây gỗ thứ nhất theo đường đã phát dọn để đến vị trí 09 (chín) tấm gỗ xẻ đã khai thác của cây gỗ thứ hai trong thời gian 03 (ba) ngày, đến ngày 03/10/2021, trong lúc R, T5, H1, Đ, D, T7 và T8 đang vận chuyển 22 (hai) tấm gỗ xẻ đã khai thác thì bị tổ truy quét, bảo vệ rừng thôn L, xã S, huyện S tuần tra, bảo vệ rừng phát hiện nên R, T5, H1, Đ, D, T7 và T8 bỏ lại toàn bộ số gỗ đã khai thác trái phép và đi về.

Nhận được thông tin từ tổ bảo vệ rừng thôn L, xã S, ông Lý Công T10 đã huy động lực lượng bảo vệ rừng tại các thôn M, T, Làng R của xã S, đồng thời tham mưu UBND xã S thành lập tổ kiểm tra rừng xã S để kiểm tra, bảo vệ hiện trường. Đến ngày

04/10/2021, tổ kiểm tra rừng **xã S** đến hiện trường vụ khai thác trái phép hai cây gỗ Phay nhưng do trời mưa to nên chỉ lập biên bản vụ việc, không tiến hành đo đạc khối lượng gỗ đã bị khai thác. Đến ngày 05/10/2021, tổ kiểm tra rừng **xã S** tiếp tục đến hiện trường thì phát hiện tại hiện trường chỉ còn lại 13 (mười ba) tấm gỗ xẻ, còn 09 (chín) miếng gỗ xẻ bị nước cuốn trôi xuống dưới suối không thể đo đạc và trục vớt được.

Ngày 20/10/2021, **Hạt Kiểm lâm huyện S** phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện S**, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà, Trạm Quản lý bảo vệ rừng **S** và **UBND xã S** tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định vị trí hai cây gỗ **P3** bị khai thác trái phép có tọa độ 552462-1643078 tại lô 6 khoảnh 2, **tiểu khu B** và tọa độ 552525-1642959 tại lô 10 khoảnh 2 **tiểu khu B** thuộc rừng phòng hộ tự nhiên ở **thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**; đến ngày 21/7/2022 tiếp tục tổ chức xác định hiện trường dưới sự chỉ dẫn của **Đinh Văn T7, Đinh Văn Đ, Đinh Văn H1, Phạm Văn T5** và **Nguyễn Tấn D**.

\* *Tại Kết luận giám định số 01-2023/KL/TCGD, ngày 13/02/2023 của **Chi cục Kiểm lâm tỉnh Q** kết luận:*

- (01) Vị trí có 02 (hai) cây gỗ bị khai thác trái phép phát hiện ngày 03/10/2021 tại lô 6 và lô 10 khoảnh 2 **tiểu khu B thuộc thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi** là **R1** tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo (TXN). Mục đích sử dụng là phòng hộ đầu nguồn. Có tên loài cây **P3 (Duabanga S)**, không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP. Gỗ thuộc nhóm VI theo Quyết định số 2198-CNR. Khối lượng gốc tròn bị thiệt hại 20,979m<sup>3</sup> (hai mươi khối chín bảy chín).

\* *Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS, ngày 28/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện S** kết luận:* Tổng giá trị thiệt hại của 02 (hai) cây gỗ Phay (**Duabanga S**) có khối lượng 20,979m<sup>3</sup> (hai mươi chín bảy chín) bị khai thác trái phép là 78.671.250 đồng (Bảy mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi một ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

\* *Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS, ngày 25/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện S** kết luận:* Giá trị 13 (Mười ba) hộp gỗ xẻ, khối lượng 4,36m<sup>3</sup>, loại gỗ Phay (**D**) tại thời điểm tháng 10/2021 là 21.800.000 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngày 29/9/2023 Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung với lý do có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo **Đinh Văn T7** còn thực hiện hành vi khác mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện S có Văn bản số 928/VKS-HS cho rằng ngoài hành vi đã bị truy tố thì bị cáo **Đinh Văn T7** không còn

thực hiện hành vi khác mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện S vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với **Đinh Văn R** và đồng phạm theo nội dung bản Cáo trạng số 12/CT-VKS-SH ngày 21/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.

Bản cáo trạng số: 12/CT-VKS-SH ngày 21/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo **Đinh Văn R**, **Nguyễn Tấn D**, **Phạm Văn T5**, **Đinh Văn Đ**, **Đinh Văn H1**, **Đinh Văn T7** và **Đinh Văn T8** phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Đinh Văn R**, **Nguyễn Tấn D**, **Phạm Văn T5**, **Đinh Văn Đ**, **Đinh Văn H1**, **Đinh Văn T7** và **Đinh Văn T8** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo **Đinh Văn R**, **Nguyễn Tấn D**, **Phạm Văn T5**, **Đinh Văn Đ**, **Đinh Văn H1**, **Đinh Văn T7** và **Đinh Văn T8** phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 500.000đồng, riêng bị cáo **T5** đã bồi thường số tiền 8.000.000đồng cho nguyên đơn dân sự; các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; các bị cáo **R**, **T5**, **Đ**, **T7**, **H1** và **T8** có nhân thân tốt, là người đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc hộ nghèo; riêng bị cáo **D** thuộc hộ nghèo, ngày 23/6/2015, bị cáo **D** bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà tuyên phạt số tiền 40.000.000 đồng về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (tại Bản án số 07/2015/HSST), đến ngày 24/8/2015, đã thi hành được số tiền 20.000.000 đồng và 200.000đồng án phí HSST; còn số tiền 20.000.000đồng chưa thi hành xong mà còn tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội của **D** là tái phạm.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt **Đinh Văn R** từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt **Nguyễn Tấn D** từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo **Phạm Văn T5**, **Đinh Văn Đ**, **Đinh Văn H1**, **Đinh Văn T7** và **Đinh Văn T8**, mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về phần dân sự:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo **Đinh Văn R**, **Nguyễn Tấn D**, **Phạm Văn T5**, **Đinh Văn Đ**, **Đinh Văn H1**, **Đinh Văn T7** và **Đinh Văn T8** bồi thường số tiền 56.871.250đồng, trừ

số tiền các bị cáo đã bồi thường trước đó với số tiền 3.000.000đồng (mỗi bị cáo 500.000đồng), riêng bị cáo **T5** đã bồi thường số tiền 8.000.000đồng cho **Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q**. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn dân sự, miễn án phí cho các bị cáo.

*Về vật chứng:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) máy cưa xăng cầm tay, màu đỏ, không có lăm xích là công cụ các bị cáo đã sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

- Đối với 13 (mười ba) tấm gỗ xẻ, khối lượng 4,360m<sup>3</sup> đã cũ, bị mối, mọt xâm nhập và nứt ở nhiều vị trí, đây là số gỗ do các bị cáo cưa xẻ từ 02 cây gỗ Phay, xét thấy đây là tài sản của Nhà nước do **Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q** quản lý, do đó cần tuyên trả cho **Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q** để xử lý theo quy định.

- Trong quá trình điều tra xác định 04 lăm cưa các bị cáo sử dụng vào việc khai thác gỗ trái phép, trong quá trình khai thác gỗ đã bị hư, các bị cáo đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không xem xét

*Trợ giúp viên pháp lý ông **Bùi Phú V** bào chữa cho bị cáo **Đinh Văn Đ**, **Phạm Văn T5** và **Đinh Văn H1**:* Hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng, Luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; ngoài ra các bị cáo có con nhỏ, là lao động chính trong gia đình; các bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; đã tự nguyện bồi thường mỗi bị cáo 500.000đồng, riêng bị cáo **T5** đã bồi thường 8.000.000đồng cho nguyên đơn dân sự, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những tình tiết viện dẫn đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo **Đ**, bị cáo **T5** và bị cáo **H1**, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo và áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo **Đ**, **T5** và **H1** đều nhất trí lời bào chữa và không có ý kiến bổ sung gì.

*Trợ giúp viên pháp lý bà **Bùi Thị Thuyết A** bào chữa cho bị cáo **Đinh Văn R**, **Đinh Văn T7** và **Đinh Văn T8**:* Hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng, Luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Điều 54 Bộ luật hình sự; ngoài ra các bị cáo có con nhỏ, là lao động chính trong gia đình; các bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; đã tự nguyện bồi thường mỗi bị cáo 500.000đồng cho nguyên đơn dân sự, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những tình tiết viện dẫn đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử



áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **R** từ 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, các bị cáo **T7** và bị cáo **T8**, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo và áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo **R**, **T7** và **T8** đều nhất trí lời bào chữa và không có ý kiến bổ sung gì.

*Trợ giúp viên pháp lý bà Phạm Thị Hà C1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn D:* Hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng, Luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; ngoài ra bị cáo đang nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình; bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo là hộ nghèo và sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; đã tự nguyện bồi thường 500.000đồng cho nguyên đơn dân sự, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những tình tiết viện dẫn đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo và áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo **D** nhất trí lời bào chữa và không có ý kiến bổ sung gì.

*Nguyên đơn dân sự trình bày:* nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử đúng pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và không bổ sung gì.

Không ai có tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo là đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện S**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện S**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các trợ giúp viên pháp lý, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp nhau, phù hợp với những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như lời khai của nguyên đơn dân sự, lời khai của người có quyền lợi

và nghĩa vụ liên quan; biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản; biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường, bản đồ trích lục khu vực phá rừng, biểu tổng hợp thống kê sản lượng, trữ lượng, mật độ trung bình trên ô tiêu chuẩn; kết luận giám định, kết luận định giá tài sản. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 22, 23/9/2021 bị cáo **Đinh Văn R** cùng với **Nguyễn Tấn D**, **Phạm Văn T5**, **Đinh Văn Đ**, **Đinh Văn H1**, **Đinh Văn T7** và **Đinh Văn T8** sử dụng 03 (ba) máy cưa xăng đến tại lô 6 và lô 10 khoảnh 2 tiểu khu B thuộc thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là **R1** tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo, mục đích sử dụng là phòng hộ đầu nguồn thuộc sự quản lý của **Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q** khai thác 02 cây Phay, gồm gỗ thuộc nhóm VI theo Quyết định số 2198-CNR với tổng khối lượng 20,979m<sup>3</sup> để làm nhà. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức đúng sai, lẽ ra phải biết tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên môi trường, tài nguyên quốc gia, tài sản của nhà nước, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân và ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo đã khai thác gỗ trái phép. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quy định của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Đảng và Nhà nước cùng các ngành, các cấp ở địa phương đã có nhiều chủ trương, giải pháp để tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng. Nhưng tình hình khai thác lâm sản trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra. Do vậy cần xử phạt các bị cáo nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét động cơ, mục đích của các bị cáo là giản đơn, việc chặt, xẻ gỗ với mục đích để làm nhà. Mặt khác do phong tục tập quán còn lạc hậu, nhận thức pháp luật còn hạn chế và sự sơ hở trong công tác quản lý bảo vệ rừng và lâm sản của cơ quan, tổ chức liên quan nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Xét đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó **Đinh Văn R** vừa là người khởi xướng, rủ rê, mang theo máy cưa xăng, vừa là người thực hành tích cực trong việc thực hiện hành vi vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Do đó **Đinh Văn R** giữ vai trò chính trong vụ án, cần xử lý nghiêm khắc. Đối với bị cáo **Nguyễn Tấn D** là người thực hành tích cực, mang theo máy cưa xăng để khai thác gỗ, cùng tham gia khai thác và xẻ 02 cây gỗ; năm 2008, có hành vi cố ý gây thương tích cho người khác nhưng vụ án đình chỉ với lý do người bị hại rút đơn; năm 2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà xử phạt 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”, bị cáo chưa chấp hành xong Bản án này lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên cần phải xử thật nghiêm khắc. Các bị cáo **Phạm Văn T5**, **Đinh Văn Đ**, **Đinh Văn H1**, **Đinh Văn T7** và **Đinh Văn T8** là những người thực hành tích cực; trong đó **Đ** và **T7** mang theo máy cưa xăng để khai thác gỗ, cùng tham khai thác và xẻ 02 cây gỗ nên cần xử phạt nghiêm khắc hơn **H1**, **T5** và **T8**.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về nhân thân: Các bị cáo **Đinh Văn R**, **Phạm Văn T5**, **Đinh Văn Đ**, **Đinh Văn H1**, **Đinh Văn T7** và **Đinh Văn T8** có nhân thân tốt.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2015, bị cáo **Nguyễn Tấn D** bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”, bị cáo chưa chấp hành xong Bản án này lại tiếp tục phạm tội do cố ý, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo **Đinh Văn R**, **Nguyễn Tấn D**, **Phạm Văn T5**, **Đinh Văn Đ**, **Đinh Văn H1**, **Đinh Văn T7** và **Đinh Văn T8** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi thường 500.000đồng, riêng bị cáo **T5** đã bồi thường 8.000.000đồng cho nguyên đơn dân sự; các bị cáo **R**, **T5**, **Đ**, **H1**, **T7** và **T8** là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc hộ nghèo, riêng bị cáo **D** thuộc hộ nghèo và hoàn cảnh gia đình khó khăn; các bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 1 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với các bị cáo là thỏa đáng.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Theo khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét các bị cáo làm nông thu nhập không ổn định, gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Đối với ông **Lý Công T10** - Nguyên cán bộ Trạm Quản lý bảo vệ rừng huyện S (hiện đang công tác tại Trạm Quản lý bảo vệ rừng huyện S) và ông **Phạm K3** - Nguyên cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện S (hiện đang công tác tại Hạt Kiểm lâm huyện M), trong thời gian công tác tại huyện S đã được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã S nhưng đã xảy ra 02 cây Phay tại lô F và lô 10 khoảnh 2 tiểu khu B thuộc thôn M, xã S bị khai thác trái phép là thiếu trách nhiệm. Tuy nhiên, quá trình được phân công phụ trách địa bàn, ông **Lý Công T10**, **Phạm K3** đã chủ động xây dựng kế hoạch, phân công lịch tuần tra, kiểm tra hàng tháng trên địa bàn được phân công quản lý, nhưng do diện tích quy hoạch rừng phòng hộ rộng, nằm ở nhiều vị trí khác nhau, địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn nên phải đi kiểm tra xoay vòng, không thể có mặt liên tục ở cùng một vị trí nhất định, dẫn đến các bị cáo đã lợi dụng lén lút khai thác

gỗ trái phép. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông T10 và ông K3, mà kiến nghị Trạm Quản lý bảo vệ rừng huyện S và Hạt kiểm lâm huyện M có biện pháp xử lý trách nhiệm của từng cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật là có căn cứ và cần thiết.

Đối với bà Đinh Thị B2 - đại diện hộ gia đình ký kết hợp đồng giao, nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng nhưng để xảy ra 02 cây Phay tại lô F và lô 10 khoảnh 2 tiểu khu B thuộc thôn M, xã S bị khai thác trái phép là thiếu trách nhiệm. Tuy nhiên, bà B2 cũng thường xuyên tham gia vào tổ truy quét, bảo vệ rừng tại thôn M, xã S; nhưng do diện tích quy hoạch rừng phòng hộ rộng, nằm ở nhiều vị trí khác nhau, địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn, không thể có mặt liên tục ở cùng một vị trí nhất định, dẫn đến các bị can đã lợi dụng lén lút khai thác gỗ trái phép. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà B2 mà có văn bản kiến nghị Trạm quản lý bảo vệ rừng xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hộ bà Đinh Thị B2 là có căn cứ và cần thiết.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo Đinh Văn R, Nguyễn Tấn D, Phạm Văn T5, Đinh Văn Đ, Đinh Văn H1, Đinh Văn T7 và Đinh Văn T8 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q số tiền là 56.871.250đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 8.124.500đồng; trừ số tiền bị cáo Phạm Văn T5 đã bồi thường trước đó là 8.000.000đồng, bị cáo T5 còn phải bồi thường số tiền là 124.250đồng; trừ số tiền các bị cáo Đinh Văn R, Nguyễn Tấn D, Đinh Văn Đ, Đinh Văn H1, Đinh Văn T7 và Đinh Văn T8 đã bồi thường trước đó là 3.000.000đồng (mỗi bị cáo 500.000đồng), các bị cáo Đinh Văn R, Nguyễn Tấn D, Đinh Văn Đ, Đinh Văn H1, Đinh Văn T7 và Đinh Văn T8 còn phải bồi thường mỗi bị cáo là 7.624.500đồng. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 03 (ba) máy cưa xăng cầm tay, màu đỏ, không có lăm xích, đã cũ không còn giá trị sử dụng. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 13 (mười ba) tấm gỗ xẻ, khối lượng 4,360m<sup>3</sup> đã cũ, bị mối, mọt xâm nhập và nứt ở nhiều vị trí, đây là số gỗ do các bị cáo cưa xẻ từ 02 cây gỗ Phay, xét thấy đây là tài sản của Nhà nước cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; cần giao cho chủ sở hữu hợp pháp là Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q bảo quản và xử lý theo quy định.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo Đinh Văn R, Phạm Văn T5, Đinh Văn Đ, Đinh Văn H1, Đinh Văn T7 và Đinh Văn T8 là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Riêng về đề

ngiht mức hình phạt của Viện kiểm sát đối với bị cáo Nguyễn Tấn D là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với đề nghị về mức hình phạt của những người bào chữa cho các bị cáo là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và hộ nghèo, riêng bị cáo D thuộc hộ nghèo; các bị cáo có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn D phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn D 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Đinh Văn R, Phạm Văn T5, Đinh Văn Đ, Đinh Văn H1, Đinh Văn T7 và Đinh Văn T8 phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn R 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Đ 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T7 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn H1 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T5 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T8 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc các bị cáo Đinh Văn R, Nguyễn Tấn D, Phạm Văn T5, Đinh Văn Đ, Đinh Văn H1, Đinh Văn T7 và Đinh Văn T8 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q số tiền là 56.871.250đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 8.124.500đồng; trừ số tiền bị cáo Phạm Văn T5 đã bồi thường trước đó là 8.000.000đồng; các bị cáo Đinh Văn R,

Nguyễn Tấn D, Đinh Văn Đ, Đinh Văn H1, Đinh Văn T7 và Đinh Văn T8 đã bồi thường trước đó là 3.000.000đồng (mỗi bị cáo 500.000đồng) theo Ủy nhiệm chi lập ngày 01/11/2023 giữa Công an huyện S với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hà và biên lai thu tiền số 0000602 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hà; các bị cáo Đinh Văn R, Nguyễn Tấn D, Đinh Văn Đ, Đinh Văn H1, Đinh Văn T7 và Đinh Văn T8 còn phải bồi thường mỗi bị cáo là 7.624.500đồng, bị cáo Phạm Văn T5 còn phải bồi thường là 124.250đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng vào Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu, tiêu hủy 02 (ba) máy cưa xăng cầm tay, màu đỏ, không rõ nhãn hiệu (không có lăm xích) và 01 (một) máy cưa xăng cầm tay, màu đỏ, nhãn hiệu SONI-NY (không có lăm xích); trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Q (mười ba) tấm gỗ xẻ, khối lượng 4,360m<sup>3</sup> đã cũ, bị mối, một xâm nhập và nứt ở nhiều vị trí (có bảng kê kèm theo) để bảo quản và xử lý theo quy định (Phản ảnh tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/11/2023 giữa Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S).

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Đinh Văn R, Nguyễn Tấn D, Phạm Văn T5, Đinh Văn Đ, Đinh Văn H1, Đinh Văn T7 và Đinh Văn T8.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết tại Ủy ban nhân dân N2.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Công an huyện S;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS huyện S;

(Đã ký)

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự,  
người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

**Trần Mến**